| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:1462 /2026/DS-ST
Ngày: 26/6/2026
*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Từ Thị Minh Tú.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Lê Thị Hoa
2. Bà Vũ Kim Liên

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 -Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Từ ngày 19 đến ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 262/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1956.
Địa chỉ thường trú: Số D đường F, Khu đô thị L, Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây là số D đường F, Khu đô thị L, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).
Địa chỉ liên lạc: Số A đường B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây là số A đường B, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Trần P, sinh năm 2000 (có mặt ngày 19/6; xin vắng mặt ngày 26/6/2026).
Địa chỉ: Số A đường B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây là số A đường B, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Trọng H, sinh năm 1988 luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt ngày 19/6; xin vắng mặt ngày 26/6/2026).
Địa chỉ: Số A đường B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2.Bị đơn:* Ông Vũ Việt T, sinh năm 1981 (vắng mặt).
Địa chỉ thường trú: Số A T, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây là số A T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Phúc T1, sinh năm 1957 (xin vắng mặt).
Địa chỉ thường trú: Số D đường F, Khu đô thị L, Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây là số D đường F, Khu đô thị L, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và bản tự khai của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/01/2024, bà Đỗ Thị Đ và ông Vũ Việt T (sau đây gọi là "ông T") có ký kết Hợp đồng vay tiền. Theo Hợp đồng, bà Đ đồng ý cho ông T vay số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), thời hạn vay tối đa 09 tháng (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024), với lãi suất thỏa thuận 12%/năm.

Bà Đ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng và chuyển đủ số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) cho ông T. Mặc dù đã nhận đủ số tiền vay, nhưng trong toàn bộ thời gian thực hiện hợp đồng, ông T chỉ thanh toán cho bà Đ được 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), phần còn lại số tiền 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng) ông T không trả, không thực hiện đúng cam kết về thời hạn và tiền lãi theo Hợp đồng đã ký.

Bà Đ đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T thanh toán khoản nợ nhưng ông T cố ý né tránh, không hợp tác, thể hiện dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ đối với số tiền vay của bà Đ.

Do đó, bà Đ khởi kiện đến Tòa án nhân dân Khu vực 4- Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết yêu cầu khởi kiện như sau:

Buộc ông Vũ Việt T trả cho bà Đ toàn bộ số tiền ông Vũ Việt T còn nợ là 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng);

Buộc ông Vũ Việt T thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận 12%/năm của số tiền còn nợ 3.600.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày khởi kiện là ngày 24/11/2025 với số tiền lãi tạm tính là: 495.912.329 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm mười hai nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng).

Tổng số tiền ông T phải trả cho bà Đ tạm tính là: 3.600.000.000 đồng + 495.912.329 đồng = 4.095.912.329 đồng (Bốn tỷ không trăm chín mươi lăm triệu chín trăm mười hai nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng).

2/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phúc T1 có đơn trình bày ý kiến như sau:

Tôi và nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy công nhận nhận kết hôn số 554, quyển số 01/1980 ngày 10/10/1980 tại Ủy ban nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với khoản tiền cho vay theo nội dung vụ án, tôi xin trình bày rõ nguồn gốc toàn bộ số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) mà bà Đ cho ông Vũ Việt T vay là tài sản riêng của bà Đ. Toàn bộ quá trình cho vay mượn không liên quan gì đến tôi, tôi không tham gia cũng như không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của tôi.

Ông T1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3/ Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Vũ Việt T không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án, vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và phiên tòa hôm nay.

4/ Tại phiên tòa ngày 19/6/2026 ông Phùng Trần P đại diện nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Trọng H trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ, cụ thể:

Buộc ông Vũ Việt T trả lại cho bà Đỗ Thị Đ toàn bộ số tiền ông Vũ Việt T còn nợ là 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng);

Buộc ông Vũ Việt T thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận của số tiền còn nợ 3.600.000.000 đồng, tạm tính 02 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Từ ngày 01/10/2024 - 12/09/2025, lãi suất theo Hợp đồng vay ngày 08/01/2024 (12%/năm)

Giai đoạn 2: Từ ngày 13/09/2025 - ngày vụ án được đưa ra xét xử (ngày 19/06/2026), lãi suất theo nội dung thỏa thuận ngày 13/09/2025 (10%/năm)

-Ngày 22/6/2026, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phùng Trần P có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

Buộc ông Vũ Việt T trả lại cho bà Đỗ Thị Đ toàn bộ số tiền ông Vũ Việt T còn nợ là 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng);

Buộc ông Vũ Việt T thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận của số tiền còn nợ 3.600.000.000 đồng, tạm tính 02 giai đoạn:

Giai đoạn 1: tính từ ngày 01/8/2025 đến 12/09/2025, lãi suất tính theo Hợp đồng vay ngày 08/01/2024 thỏa thuận là 12%/năm.

Giai đoạn 2: tính từ ngày 13/09/2025 đến ngày Tòa án xét xử lãi suất theo nội dung thỏa thuận ngày 13/09/2025 là 10%/năm.

Từ sau ngày Tòa án xét xử tôi không tính tiền lãi nhưng đến khi bản án có hiệu lực pháp luật thì ông Vũ Việt T phải trả tiền lãi theo thỏa thuận 10%/năm cho đến khi trả hết nợ.

5/ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phùng Trần P, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Trọng H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay là đã tuân thủ đúng, đầy đủ quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng vẫn

vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 không có lý do và đại diện nguyên đơn ông P; ông Trần Trọng H, ông Lê Phúc T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, ông Trần Trọng H, ông Lê Phúc T1 theo quy định Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2024 ký giữa ông Vũ Việt T và bà Đỗ Thị Đ có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây là Phường A, Quận A) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 24/11/2025 của bà Đỗ Thị Đ ủy quyền cho ông Phùng Trần P có hình thức và nội dung hợp lệ vì vậy ông P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

- Căn cứ Đơn yêu cầu Luật sư ngày 24/11/2025 của bà Đỗ Thị Đ và Giấy giới thiệu của Công ty L có hình thức và nội dung hợp lệ vì vậy ông Trần Trọng H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

- Xét thấy người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phùng Trần P, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Trọng H và ông Lê Phúc T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, ông Trần Trọng H và ông Lê Phúc T1.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên.

[2.1] Xét yêu cầu buộc ông Vũ Việt T trả lại cho bà Đỗ Thị Đ số tiền còn nợ là 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ, sáu trăm triệu đồng):

- Xét Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2024 ký giữa ông Vũ Việt T và bà Đỗ Thị Đ, hợp đồng này đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ năng lực dân sự, trên tinh thần tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái đạo đức xã hội và tuân thủ quy định của pháp luật là phù hợp theo quy định tại các điều 117,118, 119 Bộ luật dân sự. Do

vậy, Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2024 hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

- Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2024 có nội dung ông Vũ Việt T vay của bà Đỗ Thị Đ 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng), thời hạn vay tối đa là 09 tháng và phương thức vay là chuyển khoản qua tài khoản: 10220120356011 - Mở tại ngân hàng T3 với lãi suất là 12%/năm. Căn cứ bản sao kê giao dịch tài khoản, bản giải trình quá trình cho vay, bản cam kết và bản tự khai của nguyên đơn; Giấy gia hạn hợp đồng đề ngày 30/10/2024, ngày 26/2/2025 và ngày 13/9/2025 do ông Vũ Việt T viết tay thể hiện ông T đã nhận số tiền vay là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) và đã trả 400.000.000 (Bốn trăm triệu), số tiền còn nợ là 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ, sáu trăm triệu). Do đó, căn cứ các điều 385, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

[2.2] Xét yêu cầu buộc ông Vũ Việt T thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận của số tiền còn nợ 3.600.000.000 đồng:

- Căn cứ Điều 2 Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2024 có nội dung:

*"Điều 2: Thời hạn và phương thức vay*

*2.1. Thời hạn vay tối đa là 09 tháng*

*- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024*

*- Đến ngày 20 tháng 09 năm 2024*

*2.2. Phương thức vay (có thể chọn các phương thức sau):*

*Chuyển khoản qua tài khoản: 10220120356011 - Mở tại ngân hàng T3 với lãi suất là 12%/1 năm"*

Do đó căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2024 hai bên thỏa thuận lãi suất là 12%/năm từ ngày 01/1/2024.

-Căn cứ Giấy gia hạn hợp đồng đề ngày 30/10/2024, ngày 26/2/2025 và ngày 13/9/2025 do ông Vũ Việt T viết tay thể hiện hai bên đã thỏa thuận giảm mức lãi suất từ 12%/năm xuống còn 10%/năm, do đó từ ngày 13/9/2025 đến ngày xét xử phiên tòa sơ thẩm hai bên thoả thuận mức lãi suất là 10%/năm.

Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực."*

Vì vậy mức lãi suất các bên thoả thuận nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật; do đó, căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận như sau:

1/ Từ ngày 01/08/2025 đến ngày 12/09/2025: Mức lãi suất 12%/năm. Do đó, số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn được tính như sau: từ ngày 01/08/2025 đến ngày 12/09/2025 là 01 tháng 11 ngày; cụ thể là 36.000.000

đồng/tháng tương đương 1.200.000 đồng/ngày. Bị đơn phải trả tiền lãi là: 49.200.000 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

2/ Từ ngày 13/9/2025 đến ngày 26/6/2026, mức lãi suất 10%/năm. Do đó, số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn được tính như sau: từ ngày 13/9/2025 đến ngày 26/6/2026 là 9 tháng 13 ngày; cụ thể là 30.000.000 đồng/tháng tương đương 1.000.000 đồng/ngày . Bị đơn phải trả tiền lãi là: 283.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu đồng).

Tổng số tiền lãi: 49.200.000 đồng + 283.000.000 đồng = 332.200.000 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu, hai trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền gốc và tiền lãi ông T phải trả cho bà Đỗ Thị Định T2 đến ngày 26/6/2026 là: 3.600.000.000 đồng + 332.200.000 đồng =3.932.200.000 đồng (Ba tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, hai trăm nghìn đồng).

Từ những chứng cứ nêu trên, căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 110.644.000 đồng (một trăm mười triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1956 được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điều 117,118, 119, 385, 463, 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

- Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân;

- Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ.

- Buộc ông Vũ Việt T phải trả cho bà Đỗ Thị Đ số tiền nợ gốc 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

- Buộc ông Vũ Việt T phải trả cho bà Đỗ Thị Đ tiền lãi 332.200.000 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu, hai trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền ông Vũ Việt T phải trả cho bà Đỗ Thị Định T2 đến ngày 26/6/2026 là 3.932.200.000 đồng (Ba tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, hai trăm nghìn đồng). Trả một lần ngay sau khi Bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận là 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Việt T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 110.644.000 đồng (một trăm mười triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) .

Bà Đỗ Thị Đ được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV4 TP.HCM;
- Phòng THADS KV4 TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Từ Thị Minh Tú**